

Bản án số: **269/2023/DS-PT**

Ngày: 22/8/2023

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Huyền

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Ngọc Sâm và bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐ-PT, ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1966; địa chỉ: 144 Y, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Hà Thị Diên H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1960; địa chỉ: 182 P, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Đức S, sinh năm 1978; địa chỉ: 228 L, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1961; địa chỉ: Buôn Đ, xã C, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

+ Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1964; địa chỉ: 182 P, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt

+ Ông Nguyễn Thế T2, sinh năm 1968; địa chỉ: 148Y, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

+ Ông Nguyễn Thế H2; địa chỉ: TDP 6, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim H3, sinh năm 1980; địa chỉ: 182 P, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977; địa chỉ: TDP 6, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà S, ông T2, ông H1, bà H2, bà L: Ông Bùi Đức S; địa chỉ: 228 L, phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.*

+ Ông Nguyễn Thế T1, sinh năm 1965; địa chỉ: 135C, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1: Luật sư Trần H; địa chỉ: Số 9, đường 320 P, phường X, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:***

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H là vợ chồng, quá trình sinh sống có 10 người con gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y(sinh năm 1976, đã chết năm 1994, khi đang là học sinh, chưa có chồng con).

Cụ Nguyễn Văn M chết năm 2009 và cụ Huỳnh Thị H chết năm 1991, đều không để lại di chúc và có để lại tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup>, tại phường T, thành phố B.

Nay do những người được hưởng di sản thừa kế của Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H không thống nhất được việc tự phân chia di sản thừa kế của Cụ M và cụ H. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup>, cho hàng thừa kế thứ nhất mỗi người một phần bằng nhau theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có nguyện vọng nhận đất và nhà, đồng thời thanh toán giá trị bằng tiền cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

***Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất trình bày:***

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H là vợ chồng, 02 cụ có 10 người con gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế

T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y (sinh năm 1976, đã chết năm 1994, khi chết mới 18 tuổi, chưa có chồng con).

Cụ Nguyễn Văn M đã chết năm 2009 và cụ Huỳnh Thị H chết năm 1991, không để lại di chúc và có để lại tài sản là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, tài sản này chưa chia thừa kế.

Nay do các anh em trong gia đình không thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được, có sự tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

***Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức S trình bày:***

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H là vợ chồng, 02 cụ có 10 người con trong đó 09 người con còn sống và 01 người con là Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1976, đã chết năm 1994. Nay nguyên đơn khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chia di sản thừa kế của Cụ M và cụ H cho hàng thừa kế thứ nhất mỗi người một phần bằng nhau, nếu không chia bằng hiện vật được thì chia giá trị bằng tiền. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

***Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T1 trình bày:***

Bố mẹ ông T1 là Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H, quá trình sinh sống có 10 người con gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y (sinh năm 1976, đã chết 1994, khi đang là học sinh, chưa có chồng con).

Cụ Nguyễn Văn M đã chết năm 2009 và cụ Huỳnh Thị H chết năm 1991, đều không để lại di chúc và có để lại tài sản chung là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích: 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là căn nhà xây cấp 4, tại phường T, thành phố B, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông M. Trong gia đình anh em cũng đã nhiều lần thỏa thuận với nhau để phân chia nhưng do không thống nhất được nên chưa phân chia.

Nay nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất thì ông T1 không đồng ý phân chia, mà để lại thửa đất này làm nơi thờ cúng, nhà từ đường đúng như nguyện vọng của cụ M lúc còn sống. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

- Căn cứ vào Điều 4, Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 164, Điều 165, Điều 220, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, điều 624, Điều 630, Điều 631, Điều 645, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật dân sự.

- Điều 106 Luật đất đai năm 2003 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T.

Về di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup>, trị giá 4.587.425.000 đồng

Về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H gồm 09 người: Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L.

Được chia bằng tiền cụ thể: 4.587.425.000 đồng/9 người = 509.713.888 đồng.

Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau thành tiền là 509.713.888 đồng.

Giao cho ông T được quyền quản lý, sở hữu di sản thừa kế của cụ M và cụ H là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup> tọa lạc tại: Phường T, thành phố B.

Ông T có trách nhiệm trả cho các ông, bà Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L mỗi người với số tiền là 509.713.888 đồng.

Ông T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ, giải quyết xét xử đối với nội dung khởi kiện bổ sung ông Nguyễn Thế H2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm, còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án dân sự; chi phí tố tụng; án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 05/6/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm về hình thức và nội dung, áp dụng pháp luật không đúng, tuyên án vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phân chia di sản là đất dùng để thờ phụng là vi phạm nghiêm trọng điều cấm của pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thế T1 thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 là Luật sư Trần H trình bày: Thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất 01 căn nhà xây cấp 4 là tài sản của cụ M. Thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 424047 ngày 01/6/2005, với diện tích 5010,4m<sup>2</sup>. Căn cứ biên bản họp gia đình ngày 14/10/2022, thì diện tích đất trên đã cho các con cụ M, sau đó khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các con cụ M đã tách thửa, diện tích còn lại là 227,5m<sup>2</sup> là của cụ M và tại phiên bản họp gia đình cụ M đã thể hiện di nguyện là diện tích đất này làm nhà từ đường, các con, cháu không được tranh chấp, lấn chiếm vì diện tích đất cụ M đã chia xong, các con trai cũng như con gái. Như vậy, diện tích đất 227,5m<sup>2</sup> cụ M đã thể hiện di nguyện làm nhà từ đường nên không được chia là phù hợp với luật đất đai, luật dân sự. Vì vậy, đề nghị Tòa án không phân chia di sản thừa kế là thửa đất trên, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn vì khởi kiện không có căn cứ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế T1 - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Thế T yêu cầu chia di sản thừa kế, quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thế T1 không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của ông T nên phát sinh tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*” là phù hợp

[1.2] Về tư cách đương sự: Tại đơn khởi kiện, ông Nguyễn Thế T khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim D nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn bà D là đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup> tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do thửa đất trên không đủ điều kiện tách thửa để phân chia cho các đồng thừa kế nên nguyên đơn yêu cầu nhận đất và nhà, đồng thời thanh toán giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế. Do đó, Bản án sơ thẩm giải quyết là đúng phạm vi khởi kiện.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T, HĐXX xét thấy:

[2.1] Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H là vợ chồng, có 10 con chung là: Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1976 đã chết năm 1994 (chưa có chồng, con). Quá trình chung sống, cụ M và cụ H có tạo lập được tài sản chung là 01 lô đất có diện tích 5010,4m<sup>2</sup>, được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 424047 ngày 01/6/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn M, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 29 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2] Năm 1991, cụ Huỳnh Thị H chết không để lại di chúc, phần di sản của cụ H trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Văn M chưa được chia. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Như vậy, ngày 12/8/2022 ông Nguyễn Thế T mới nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H là đã hết thời hiệu khởi kiện. Như vậy, cần xác định di sản mà cụ H để lại được chuyển thành tài sản chung của các đồng thừa kế, bao gồm cụ Nguyễn Văn M và 10 người con. Tuy nhiên, năm 1994, con chung của cụ H và cụ M là bà Nguyễn Thị Kim Y chết, không để lại di

chúc, không có chồng, con nên di sản của bà Y được chia đều cho cụ Nguyễn Văn M và 09 người con còn lại là Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L.

[2.3] Ngày 14/3/2002, cụ Nguyễn Văn M và 09 con chung lập biên bản họp gia đình, nội dung thể hiện việc chia đất cho các con, diện tích đất còn lại sau khi chia là 10m x 30m (diện tích đo đạc thực tế là 227,5m<sup>2</sup>, thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29 là của cụ Nguyễn Văn M dùng làm nhà từ đường, kể cả lúc cụ M còn sống hoặc qua đời thì phần diện tích trên các con, cháu, chắt không được tranh chấp, không lấn chiếm ở. Như vậy, cần xác định biên bản họp gia đình ngày 14/3/2022 là biên bản phân chia tài sản chung chứ không phải di chúc của cụ M (Hơn nữa, không ai lập di chúc để lại một phần di sản cho chính bản thân mình). Theo biên bản này các bên thống nhất diện tích đất 227,5m<sup>2</sup>, thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29 là tài sản của cụ M.

[2.4] Theo biên bản định giá tài sản ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, diện tích đất 227,5m<sup>2</sup> có giá là 4.500.000.000 đồng và 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup>, có giá trị còn lại 87.425.000 đồng. Tổng cộng 4.587.425.000 đồng.

[2.5] Năm 2009, cụ Nguyễn Văn M chết không để lại di chúc, do đó nguyên đơn ông Nguyễn Thế T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là có căn cứ. Phần di sản của cụ M sẽ được chia theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể chia thành 09 phần cho Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L, cụ thể: 4.587.425.000 đồng : 9 = 509.713.888 đồng/ người.

Xét yêu cầu được nhận hiện vật và trả lại phần giá trị di sản cho những người thừa kế khác được hưởng bằng tiền của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T là phù hợp và được đa số các đồng thừa kế khác đồng thuận nên cần cấp chấp nhận yêu cầu này của ông T, ông T được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Phường T, thành phố B. Ông T có trách nhiệm thanh toán cho các ông, bà Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L mỗi người với số tiền là 509.713.888 đồng.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T1, HĐXX xét thấy: Như đã nhận định và phân tích ở mục[2.3] trên, biên bản họp gia đình ngày 14/3/2022 là biên bản phân chia tài sản chung chứ không phải di chúc của cụ M. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông T1, người bảo vệ quyền

và lợi ích hợp pháp của ông T1 xác định biên bản hợp gia đình mặc dù không phải là di chúc, nhưng là hợp đồng tặng cho có điều kiện, phần diện tích nhà và đất đã phân chia cho cụ M được cụ M định đoạt dùng vào việc thờ cúng nên biên bản hợp gia đình đủ điều kiện là di chúc. Ông T1 cho rằng đây là di chúc của cụ M và di sản của cụ M để lại được định đoạt là di sản thờ cúng là không có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk như đã nhận định và phân tích trên.

[4] Bản án sơ thẩm tuyên giao cho ông Nguyễn Thế T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Phường T, thành phố B nhưng không tuyên cụ thể tứ cận của thửa đất là thiếu sót, cần bổ sung cho đầy đủ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Thế T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế T1

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

[2] Áp dụng các Điều 609; 610; 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651; 660; 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T về việc chia di sản thừa kế đối với di sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Phường T, thành phố B.

[2.2] Giao cho ông Nguyễn Thế T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: Phường T, thành phố B, thửa đất có tứ cận:

Phía Đông giáp với thửa đất số 220; kích thước cạnh 22,66m

Phía Tây giáp với các thửa đất số 222, 223, 224, 225; kích thước cạnh 22,48m

Phía Nam giáp đường nhựa; kích thước cạnh 10,15m

Phía Bắc giáp thửa đất số 509; kích thước cạnh 10,35m.

*Ông Nguyễn Thế T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.*

[2.3] Buộc ông Nguyễn Thế T phải có nghĩa vụ thanh toán cho các ông, bà Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H1, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế H2, Nguyễn Thị Kim H3, Nguyễn Thị Kim L mỗi người với số tiền là 509.713.888đ (Năm trăm lẻ chín triệu, bảy trăm mười ba nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

[2.4] Đình chỉ, giải quyết xét xử đối với nội dung khởi kiện bổ sung ông Nguyễn Thế H2.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thế T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số AA/2022/002821 ngày 19/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp.BMT;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- .....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thanh Huyền**

